

Tâm Chấp Trước (Rào Cản Ngăn Cách Lòng Người)

*Tôi muốn cất tiếng kêu to. **Kêu thật to** để ai nấy cùng **nghe**.
Tôi muốn có một giọng tha thiết. **Thực tha thiết** để ai nấy cùng **cảm**.
Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. **Thực đanh thép** để ai nấy cùng **tin**.
Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa
cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt Nam.
(Hồ Hữu Tường - Trương Lai Văn Hóa Việt Nam)*

Chúng ta đi thẳng vào cốt lõi của vấn đề để không mất thời giờ vô ích.

1. Ấn Độ:

Người dân Ấn Độ sinh ra và lớn lên với **tâm chấp đẳng cấp**. Lịch sử đã minh chứng xã hội Ấn Độ là một xã hội phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt. Lớp sơn kế tiếp là **chấp tôn giáo**.

Một hôm Đức Phật trả lời câu hỏi về nội dung giáo lý Phật giáo. Ngài đã khẳng định rằng ai hiểu chấp trước là gì thì hiểu toàn bộ giáo lý của ta. Cho nên, có thể nói đạo Phật là **đạo “phá chấp”**. Thế mà, trên thực tế đến khi chết người Phật tử vẫn chấp chặt giáo lý đạo Phật, **không ai dám bỏ bè**; “dùng cục gạch” để gõ cửa, cửa mở, giữ cục gạch lại để làm gì ?

Ca dao tục ngữ Việt Nam nói lên tinh thần chấp trước và sự tai hại của nó, cần phải thoát ra một cách đơn giản không phải giải thích dông dài: *“**kiến bò miệng chén, gà què ăn quần cối xay**”*.

2. Trung Quốc:

Tổ tiên người Hán (tạm gọi theo thói quen) trước khi định cư đã trải qua thời kỳ du mục, sống bằng nghề chăn nuôi theo bầy đàn, với đánh đập la hét bầy súc vật và có thói quen giết những con vật bệnh tật và yếu đuối chậm chạp. Thức ăn chính của họ là thịt thú vật. Họ giết con vật, xẻ thịt, mổ bụng moi tim, gan, ruột, óc của con vật để làm thức ăn.

Khi định cư (thời Hạ, Thương, Chu) người Trung Quốc sinh ra và lớn lên với cái tâm **chấp giai cấp** trong chế độ phong kiến và nô lệ. Lớp sơn kế tiếp, chấp vào lời của các ông Thánh (Chu Công, Khổng Tử, Tuân Tử, Mạnh Tử, Liệt Tử, v.v...) nào là “nhân chi sơ tánh bản thiện, nhân chi sơ tánh bản ác”, ... nghĩa là chấp vào những hệ thống triết học. Nói nôm na ngắn gọn tâm người Trung Quốc chấp giải cấp, chấp những khái niệm triết học, chấp quan niệm “trọng nam khinh nữ”, “tu-tề-trị-bình”, v.v....

3. Nhật Bản:

Tâm của người Nhật Bản chấp đẳng cấp như người dân Ấn Độ. Kiêu nhà ở, cách ăn mặc phải tùy theo đẳng cấp của mình. Người thuộc đẳng cấp này không thể mặc kiêu áo của đẳng cấp khác.

4. Triều Tiên:

Xã hội Triều Tiên ngày xưa phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt. Con của người vợ thứ bị xem là kẻ nô lệ không được đi học, gọi cha mình là “lão gia”, không được xưng là con mà tự xưng là “tiểu nhân”. Như vậy tâm của người Triều Tiên cũng chấp đẳng cấp như người dân Ấn Độ và Nhật Bản.

5. Tây Phương:

Sau thời gian sống đời sống du mục với nghề chăn nuôi theo bầy đàn, khi định cư họ sinh ra và lớn lên với cái tâm chấp giai cấp trong xã hội phong kiến phân chia giai cấp với chế độ nô lệ và nông nô. Lớp sơn kế tiếp, **chấp vào các quan niệm triết học** của các triết gia, rồi chấp tội tổ tông, chấp tôn giáo, v.v.... Suốt hơn 2000 năm qua hầu hết các cuộc chiến tranh do tâm chấp trước tạo nên, gây “biết bao tang tóc cho nhân loại cũng như biết bao sự hủy hoại môi trường thiên nhiên một cách tàn khốc” (Thường Nhược Thủy).

Triết gia Heidegger đã tuyên bố tại hội nghị triết học Honolulu, Hawaii: *văn hóa Tây phương đã hỏng từ nên tảng, đem truyền bá tới đâu thì gieo rắc máu và nước mắt tới đó.*

6. Việt Nam:

Trở về với xã hội Việt Nam thời văn hóa Hòa Bình. Nơi xảy ra cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay khoảng 6,000-7,000 (thời gian tương đối).

Với nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, cư dân Hòa Bình (tổ tiên tiên thân của dân tộc Văn Lang ... Việt Nam) đã xây dựng nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, *“trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”*, tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (**hòa cả làng**), “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” (Trần Gia Phụng), và cùng tiến. Vì nhu cầu công việc đồng áng, họ giúp đỡ lẫn nhau (tương trợ) qua **đổi công** trên đồng ruộng, và qua tập tục **“có việc thì đến hết việc thì đi”** trong đời sống hàng ngày. “Lần hồi, qua đổi công cho nhau, người nông dân trở thành gần gũi nhau hơn, thân thiết với nhau hơn... để rồi mặc nhiên cùng đi đến *tương thân tương ái*.... Tương trợ nhau khi nhà ai đó “tắt lửa tối đèn” hoặc có người bệnh hoạn là việc đương nhiên, không chờ đương sự phải lên tiếng yêu cầu...” (Nguyễn Kỳ Tân).

Nếp sống tương nhượng hài hòa chan hòa tính người và tình người đó trải qua thời đại văn hóa Bắc Sơn và Phùng Nguyên, thời đại các vua Hùng dựng nước Văn Lang. Thời đại này (ông Khổng Tử, ông Lão Tử, Thái Tử Tất Đạt Đa chưa sinh ra đời), xã hội Việt Nam không có tôn giáo, giai cấp hoặc đẳng cấp, **không có chế độ nô lệ**, cũng không có hệ thống triết học và cũng không có các ông Thánh **mà chỉ có con người và cuộc sống** chan hòa tính người và tình người: *“đầu đội trời chân đạp đất”*, thuận lý theo thiên nhiên, *“trông cơ trời đất liệu thời làm ăn”*,

“sống với mọi người và để mọi người cùng sống với mình”, và cùng tiến. Như vậy người nông dân Việt Nam sinh ra và lớn lên trong một xã hội không có gì để mà chấp trước, ngoài con người và cuộc sống. Nếu có chấp trước thì chấp tính người và tình người, nếu không muốn nói là tình thương. Cho nên con đường sống của dân tộc Việt Nam lấy con người làm gốc (nhân bản), lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc.

Nét đặc sắc của nền minh triết nhân bản Việt Nam chính là “cái không có gì” (**mà hàm chứa tất cả**). Đó là “**tinh thần cõi trống**”. Người Việt trưởng thành là người sống trọn vẹn với cuộc sống ngay tại đây và bây giờ, không mộng tưởng trở thành người phi thường, không buông trôi, không hận đời, sống bình thường chan hòa tính người và tình người, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” và cùng tiến, không vướng mắc, **lòng trở nên trống rỗng một cách tự nhiên**, vì không có gì ngoài con người và cuộc sống để mà chấp trước. Lòng trống rỗng trong ý nghĩa **không chấp trước** với biểu tượng “sách ước” có ba tờ giấy trắng tinh, như biển cả bao la dung nạp mọi dòng nước trong lành hay ứ đọng có thể hòa chung thành một cõi mệnh mông bát ngát; rồi bốc hơi (thăng hoa như Tiên Rồng) thành mây, mưa với những giọt nước trong mát.

Văn minh Việt Nam, minh triết nhân bản Việt Nam, **minh triết đời sống** chẳng để lại những gì quý giá, nguy nga đồ sộ mà ngày nay còn chụp hình được, ngoài tinh thần cõi trống, với nền giáo dục nhân bản tâm linh *học an, học nói, học gói, học mở* và sự hài hòa (**hòa cả làng**) tình thương, trí tuệ và sức sống dẻo dai, an nhiên tự tại trong bất cứ hoàn cảnh nào: tất cả được huyền thoại hóa qua biểu tượng Thần Tổ Kép Tiên Rồng.

Tinh thần Cõi Trống (**lòng trống rỗng**) là tụ điểm, nơi hội tụ tất cả, là **lực hút để dung hòa** mọi sự; nơi hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý trong lòng và ngoài xã hội; nơi phát sinh sức mạnh nội tại, nơi hạt giống tình thương nảy nở hồn nhiên trong sáng. Lòng trống rỗng là giây phút giúp cho người Việt Nam trưởng thành cảm nhận được Thiên Thư Vô Ngôn của Đất Trời (Thiên Nhiên) với tâm Việt, hồn Việt, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng tâm thức và dòng sống dân tộc, giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện, không kêu cầu đến tín ngưỡng, tôn giáo, ý thức hệ, v.v....

Nét đặc sắc trong nền văn hóa Việt Nam là biết **sống bình thường**, không vọng cái phi thường xa rời con người và cuộc sống, qua những thăng trầm đắng cay ngọt bùi, như cá bơi lội trong **chính dòng nước bình thường đục hay trong** muôn đời của nó.

Người Việt luôn luôn biết dung hòa, hóa giải mọi đối nghịch, tìm ra nét hài hòa, thăng bằng, xây dựng nếp sống đầy tình người với nhân sinh quan thăng hoa con người như Tiên Rồng, như nước bốc hơi. Đại đa số khoa bảng và một số học đòi theo khoa bảng **chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa ngoại nhập**, quá câu nệ vào sách vở kinh điển hay một “tứ” (triết gia) nào đó cho là **trống rỗng**. Họ không cảm nhận, không hiểu nổi chính cái trống rỗng ấy. **Lòng trống rỗng**, không chấp trước, không vướng mắc là cái hội tụ, đồng thời cũng là cái mở rộng, buông thả, khai phóng trong giao lưu, không dị ứng, không loại trừ, tiếp nhận tất cả, đầy bản lĩnh nên tiếp thu có chọn lọc, Việt hóa tất cả.

Triết lý nào cũng học, **lý thuyết** tôn giáo nào cũng tốt, nền văn hóa nào cũng có cái hay cái đẹp của nó; du nhập tất cả, dung hòa, dung hóa, nhưng vẫn giữ phong cách Việt Nam. Tiên sĩ

H.R. Ferraye cho rằng nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính cách **không chối từ** của nó. Thực ra, nó chỉ có một chối từ: **sự đồng hóa cưỡng bức**. Còn lại nó tìm cách dung hòa, hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam Đảo, của Tây Âu, Bắc Mỹ... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật, song vẫn luôn luôn duy trì nền tảng văn hóa dân tộc (Trần Quốc Vượng, sdd, Trang 44).

Lòng Trống Rỗng (Tinh Thần Cõi Trống), **tâm không chấp trước** được huyền thoại hóa qua biểu tượng “**sách ước**” với ba tờ giấy trắng tinh trong truyện Gậy Thần Sách Ước.

Như vậy tâm chấp trước của người Việt Nam hiện nay (chấp Cộng Sản, Tư Bản, Tư Do Dân Chủ kiểu Tây Phương, Phật Giáo, Kitô Giáo, Tin Lành ..., Hòa Hảo, Cao Đài, v.v...) là do hiện tượng ngoại nhập, là nước sơn bên ngoài, che phủ cái tâm không chấp trước của người nông dân Việt Nam.

Một học giả người Mỹ **cũng thấy được** điều này khi ông ví “Việt Nam như một cây gậy, nhìn bề ngoài thấy phủ một lớp sơn Tây mỏng: cạo lớp sơn ấy đi, vẫn thấy phủ một lớp sơn Tàu có phần dày hơn, xong cạo lớp sơn Tàu ấy đi nữa thì lộ ra cốt lõi gậy tre đực Việt Nam” (Trần Quốc Vượng).

Còn phải cạo một lớp sơn cũng khá dày như lớp sơn Tàu. Đó là lớp sơn Ấn Độ (Phật giáo) mới có thể thấy được **cốt lõi tinh hoa của Việt Nam**. Để những hiện tượng ngoại nhập không thể xâm nhập vào miền sâu thẳm tâm thức của người Việt Nam, việc khẩn thiết hiện nay là người Việt Nam tự ý thức thực hiện **cuộc chuyển hóa tâm thức**, một cuộc chuyển hóa thật sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người (1), để những hiện tượng ngoại nhập trôi đi và các rào cản ngăn cách lòng người tự biến mất. Như vậy người Việt Nam tự cứu mình, đồng thời cũng đóng góp phần mình vào việc phá bỏ những rào cản ngăn cách lòng người mà nhân loại đang hướng tới để xây dựng nền **văn minh nhân bản** chan hòa tính người và tình người trong xu thế toàn cầu hòa.

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org

Ghi Chú:

- (1a) Chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào lòng*), tự hiểu mình vì “*ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình*” với **nếp sống tỉnh thức**, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nan dịch lý: *học ăn, học nói, học gói, học mở*, theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ, với định hướng *Biển – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng*, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống chan hòa tính người và tình người giải phóng toàn triệt con người vô điều kiện không kêu cầu đến tín ngưỡng và tôn giáo.
- (1b) Xem bài giải mã câu ca dao:
“*Trăm hay xoay vào lòng, (vì) ngọn đèn được tỏ trước khiêu bởi mình*”
- (1c) Xem bài “Chuyển Hóa Tâm Thức (1)”